

Bản án số: 118/2017/DS-PT
Ngày: 29/8/2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Các Thẩm phán: 1- Ông **Mai Thiện Kế**

2- Ông **Nguyễn Khánh Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nhân**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Trần Văn Nghiệp**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLPT-DS ngày 7 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2017/QĐPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số...../QĐPT-DS ngày 16/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Dù L**, sinh năm 1948. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông **Huỳnh Dù L** uỷ quyền cho ông **Lương Văn N**, sinh năm 1976; Địa chỉ: khóm X, phường Y, Tp. C, tỉnh Cà Mau tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Dù H**, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 82 ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1924. (Có mặt)

3.2- Bà **Thái Kim L**, sinh năm 1972. (Có mặt)

3.3- Anh **Huỳnh Viễn T**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

3.4- Anh **Huỳnh Viễn Đ**, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

3.5- Em **Huỳnh Tuyết S**, sinh năm 2002. (Vắng mặt)

Người giám hộ cho em Huỳnh Tuyết S: Ông **Huỳnh Dù H**, sinh năm 1972 (cha ruột em Huỳnh Tuyết S).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.6- Bà **Huỳnh Thị Dù C**, sinh năm 1970. (Có mặt)

3.7- Ông **Huỳnh Dù H**, sinh năm 1961. (Có mặt)

3.8- Bà **Huỳnh Thị Dù H**, sinh năm 1959. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.9- Bà **Trương Thị K**, sinh năm 1932. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kiệt: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1955, theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người phiên dịch tiếng Hoa: Bà **Trịnh Thị L** – Công tác tại Trường THPT D, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Dù L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông **Huỳnh Dù L** khởi kiện trình bày:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông nội ông để lại cho cha của ông là ông Huỳnh Văn K quản lý, sử dụng. Vào năm 1978, Nhà nước thực hiện chính sách trang trải đất đai, khi đó ông được Ủy ban nhân dân xã V cấp 3.888m² đất tọa lạc ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là thị xã V, tỉnh Sóc Trăng) để canh tác. Trước khi Nhà nước trang trải cho ông thì phần đất này do cha của ông sử dụng để trồng nhãn. Do đó, khi được cấp thì ông mới đổi với cha của ông phần đất phía sau nhà của cha ông đang ở hiện nay là 800m² để canh tác. Đến năm 1984, cha của ông mới chặt bỏ cây nhãn trên phần đất mà ông được cấp, lúc đó ông mới vào canh tác. Đến năm 1990, ông được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời diện tích 0,3390 = 3.888m² (đất hiện nay thuộc thửa 785, tờ bản đồ 08 tọa lạc tại ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng). Sau đó, ông tiếp tục canh tác đến đầu năm 1994 thì ông và vợ con lên thành phố Hồ Chí Minh để kiếm việc làm và sinh sống do hoàn cảnh gia đình khó khăn, diện tích đất nêu trên ông gửi lại cho người em trai út là Huỳnh Dù H để trông coi, canh tác nhằm mục đích có thu nhập phụng dưỡng cha mẹ.

Hiện diện tích đất tranh chấp mà ông được cấp giấy tạm thời nêu trên ngoài phần đất trống còn có các căn nhà của cha ông, căn nhà của người em tên Huỳnh Dù H và người cô là bà Huỳnh L đang ở. Tuy nhiên, ông đồng ý ổn định diện tích đất gắn liền với căn nhà nêu trên mà không đặt ra xem xét, còn lại phần đất trống có diện tích là 2.958m² do ông H đang quản lý sử dụng và canh tác. Vào năm

2013, ông có trao đổi với ông H trả lại 2.958m² đất và sau đó ông chỉ yêu cầu chia đôi phần đất này cho ông một nửa để ông làm hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng ông H không đồng ý. Vụ việc được Ủy ban nhân dân xã V hòa giải nhưng không thành.

Qua xem xét thẩm định thực tế phần đất đang tranh chấp hiện nay có diện tích là 1.542,1m² tại thửa 785, tờ bản đồ số 08, tọa lạc ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Dù H trả lại cho ông 1.542,1m² đất tại thửa đất nêu trên. Đồng thời, ông đồng ý ổn định phần diện tích đất gắn liền với các căn nhà của người cha, người cô và người em của ông như đã nêu trên.

Bị đơn ông Huỳnh Dù H trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội của ông để lại cho cha ông là ông Huỳnh Văn K. Việc Nhà nước có trang trải đất cho ông L vào năm 1978 theo như ông L trình bày có hay không thì ông không biết. Ông có nghe cha của ông nói trước đây có cho ông L 01- 02 công đất ngoài đê biển V, ông L canh tác được khoảng 07 – 08 năm thì bán lại cho người chị ruột tên là Huỳnh Dù H, sau đó ông L đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống. Vào năm 2013, ông L có về và yêu cầu chia thêm đất, khi đó cha của ông có chia cho ông L diện tích khoảng 02 công mấy tầm cây đất rẫy nằm ở Hướng Bắc giáp với phần đất tranh chấp và cho thêm ông L trên phần đất tranh chấp hiện nay tính từ ranh nhà của con ông T kéo qua hướng nhà của ông giáp lộ Nam Sông Hậu là 10m, chiều hậu hết phần đất tranh chấp. Khi đến UBND xã V làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L phát hiện phần đất tranh chấp của cha ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L cho rằng phần đất tranh chấp trên ông đã được trang trải và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời vào năm 1990, từ sự việc trên nên hai bên mới phát sinh tranh chấp. Từ đó, cha của ông không đồng ý cho phần đất có chiều ngang 10m, chiều dài hết hậu trên phần đất tranh chấp như ông đã nêu trên.

Từ trước tới nay ông L không có canh tác phần đất tranh chấp, thực tế phần đất này do ông canh tác từ trước tới nay. Do đó, việc ông L đòi lại phần đất này là không có cơ sở, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn K trình bày:

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp đúng như con của ông là Huỳnh Dù H trình bày. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha mẹ ông để lại cho ông sử dụng. Thời điểm trang trải đất đai cụ thể năm nào thì ông không nhớ, ông nhớ nhà nước có trang trải cho Huỳnh Dù L một phần đất nhưng không có đo đạc cụ thể, không có xác định phần đất trang trải nằm ở vị trí nào mà chỉ ghi cho có và cũng không có đổi đất cho Dù L canh tác như Huỳnh Dù L đã trình bày. Vì lúc đó Dù L còn sống chung gia đình và có canh tác chung. Trước đây, sau thời điểm giải phóng khoảng vài năm thì ông có mua một phần đất ngoài đê biển, sau đó ông cho lại Huỳnh Dù L canh tác. Việc ông Dù L cho rằng phần đất tranh chấp trên trước đây do nhà nước trang trải cho ông Dù L là không đúng. Từ trước đến nay phần đất trên là do người con út tên Huỳnh Dù H sống chung gia đình canh tác trồng rau màu. Vào năm 2013, Dù L có về xin chia thêm đất thì ông cũng đã chia cho Dù L

diện tích khoảng hai công mấy tầm cây. Cho nên việc Dù L cho rằng phần đất tranh chấp đã được Nhà nước trang trải và cấp cho Dù L và yêu cầu được lấy lại thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Dù C và bà Thái Kim L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Dù H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Dù H, bà Huỳnh Thị Dù H và tại phiên tòa sơ thẩm bà **Huỳnh Thị H** là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Trương Thị K** trình bày:

Đều thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Dù L và khẳng định phần đất tranh chấp nhà nước đã trang trải và cấp cho ông L. Ngoài ra, bà H cho rằng việc tranh chấp phần đất nêu trên không có ảnh hưởng và liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 đã quyết định như sau: Áp dụng Điều 5, Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Dù L đối với bị đơn ông Huỳnh Dù H về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Dù H trả lại cho ông diện tích đất 1.542,1m², thuộc thửa 785, tờ bản đồ số 08 tọa lạc ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (trong đó diện tích trồng màu có diện tích 1.318,3m², diện tích trong khuôn viên hàng rào nhà ông Huỳnh Dù H 223,8m²) (có tuyên từ cận kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/5/2017, nguyên đơn ông Huỳnh Dù L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông Huỳnh Dù H trả lại cho ông diện tích đất 1.542,1m² thuộc thửa 785, tờ bản đồ số 08, tọa lạc ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Với những lý do như sau:

- Tòa án xác minh ông Mai X ngày 14/12/2016 có thừa nhận cha ông có trực tiếp chỉ phần đất Nhà nước trang trải cho ông, ông có canh tác 3-4 năm thì giao lại cho ông K, ông H quản lý, sử dụng. Ông Tăng S cũng thừa nhận năm 1980 ông S phụ trách cán bộ du kích thì đất tranh chấp Nhà nước trang trải cấp cho ông L do đất gia đình ông K dư. Biên bản xác minh bà Huỳnh Dù K ngày 18/3/2017 cũng thừa nhận đất của gia đình ông có trang trải cho ông nhưng không có đo đạc và

cũng không có xác định vị trí. Lời trình bày của người làm chứng đủ chứng minh diện tích đất tranh trái cho ông là có thật tại vị trí đất tranh chấp hiện nay.

- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giấy chứng nhận tạm thời số 240 không xác định được vị trí nhưng người chứng kiến tranh trái đất lúc bấy giờ khẳng định là vị trí đất tranh chấp. Còn kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã cũng như công văn phúc đáp của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V cho rằng đất tranh chấp do cha ông là ông K có tên trong sổ mục kê thì ông khẳng định sổ mục kê mà cha ông đứng tên này là chưa đủ căn cứ pháp lý.

- Còn về quá trình sử dụng đất từ năm 1994 cho đến nay, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông không trực tiếp canh tác, cha ông và em ông có trồng một số cây ăn trái nhưng ông không khiếu nại. Là do anh em nên ông giao lại cho em trai ông mượn làm đề nuôi dưỡng cha mẹ.

- Còn việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khi ông được chia đất vào năm 2012 – 2013 diện tích 02 công và ông được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông không đề cập đến diện tích đất tranh trái năm 1978 là không đúng, vì ông có thuê Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất V đo đạc lại diện tích đất tranh trái này cho ông.

- Ông có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 240 là theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Điểm b Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 và căn cứ vào các chứng cứ mà các em ông đã cung cấp cho Tòa án thì chứng minh ông có cho ông Huỳnh Dù H mượn diện tích đất tranh trái năm 1978 để trồng trọt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm có 03 người có quyền lợi liên quan vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Dù L và giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 10/2017/DS-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vắng mặt anh Huỳnh Viễn T, anh Huỳnh Viễn Đ và em Huỳnh Tuyết S. Các đương sự có mặt, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người nêu trên. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, liên quan theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Xét thấy, tại biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đối với ông Mai X vào ngày 14/12/2016 (ông X là Trưởng Ban nhân dân ấp A, xã V thời điểm năm 1976) trình bày: Thời điểm trang trải đất đai, đất của ông Huỳnh Văn K dư nên Nhà nước mới cấp cho người con ông K là Huỳnh Dù L. Việc ông K chỉ phần đất cấp cho ông L thì ông có trực tiếp chứng kiến. Sau khi được cấp ông L có canh tác 03 đến 04 năm thì ông L giao lại cho ông K và ông H quản lý sử dụng và tại biên bản xác minh ngày 14/12/2016 đối với ông Tăng S – Trưởng Ban nhân dân ấp A hiện nay (Thời điểm năm 1980 ông S phụ trách cán bộ du kích ấp) cũng cho rằng: Phần đất tranh chấp trên nhà nước đã trang trải và cấp cho ông L do đất gia đình ông K dư.

Tại biên bản xác minh ngày 06/3/2017 đối với người làm chứng bà Huỳnh Dù K (bà K là con ruột của ông K, là em ruột của ông L) trình bày: Thời điểm năm 1978, Nhà nước thực hiện chính sách trang trải đất đai, do đất gia đình của bà còn dư, nên ông Mai X – Trưởng ấp A lúc bấy giờ mới nói với cha của bà để cho ông Huỳnh Dù L đứng tên tạm phần đất của gia đình bà còn dư nhưng không xác định được phần đất còn dư cụ thể ở vị trí nào vì thời điểm đó không có đo đạc cụ thể, cha của bà chỉ cho ông L đứng tên tạm để gia đình bà không bị mất đất. Trước khi trang trải đất đai, ông L ở chung nhà với cha của bà và có làm chung, sau này ông L đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê cũng không có về canh tác trên đất tranh chấp. Từ trước tới nay chủ yếu do cha của bà và sau này người em ruột của bà là Huỳnh Dù H trực tiếp canh tác.

[2] Qua phần trình bày của các đương sự, cũng như những người làm chứng đã nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Đối với phần đất tranh chấp nêu trên các bên đều thừa nhận nguồn gốc là của ông bà Nội của nguyên đơn để lại cho cha của các ông bà là ông Huỳnh Văn K quản lý sử dụng và năm 1978 Nhà nước có thực hiện chính sách trang trải đất đai lấy phần đất dư của gia ông Huỳnh Văn K cấp cho ông Huỳnh Dù L là có thật, điều này phù hợp với lời trình bày của ông Mai X – Trưởng Ban nhân dân ấp A vào thời điểm trang trải, phù hợp với lời trình bày của ông Tăng S – Trưởng Ban nhân dân ấp A hiện nay và là cán bộ du kích ấp vào thời điểm trang trải nêu trên và kể cả lời thừa nhận của ông Huỳnh Văn K là cha của ông Huỳnh Dù L.

Tuy nhiên, vị trí phần đất được trang trải cho ông L không rõ ở vị trí nào, việc này ông K là cha của ông L cũng không biết và không thừa nhận vị trí tranh chấp là đất trang trải cho ông L. Đồng thời, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 240/GCN ngày 16/4/1990 của UBND xã V cấp cho ông Huỳnh Dù L cũng không thể hiện rõ phần đất được cấp thuộc thửa số mấy, tờ bản đồ số mấy.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 06/3/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm đối với ông Văn Quan T – Cán bộ địa chính UBND xã V, ông T cung cấp: Đối với sổ quản lý địa chính của UBND xã hiện nay đã thất lạc mất, thửa đất tranh chấp 785, tờ bản đồ số 08 trong phần mền quản lý địa chính hiện nay không rõ chủ, còn đối với sổ mục kê do UBND xã quản lý thì thửa 785 do ông Huỳnh Văn K đứng tên.

Tại Công văn phúc đáp số 11/CV-TNMT, ngày 21/02/2017 của Phòng Tài nguyên – Môi trường thị xã V (thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã V) cung cấp như sau:

“...Căn cứ pháp lý để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời cho ông Huỳnh Dù L ngày 16/4/1990 là theo luật đất đai năm 1987. Việc Chủ tịch UBND xã V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời nêu trên là không đúng theo quy định của luật đất đai năm 1987.

Đối với diện tích đất tranh chấp 1.542,1m², thửa đất 785, tờ bản đồ số 08 hiện tại thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước đây thửa đất này do ông Huỳnh Văn K đứng tên trong sổ mục kê. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 240/GCN, ngày 16/4/1990 do Chủ tịch UBND xã V cấp, Phòng Tài nguyên – Môi trường không có lưu trữ”.

[3] Bên cạnh đó, xét về quá trình sử dụng đất: Từ thời điểm đầu năm 1994 cho đến nay phần đất tranh chấp ông L không có trực tiếp quản lý, sử dụng mà ông Huỳnh Văn K và ông Huỳnh Dù H là cha, là em của ông L trực tiếp quản lý và canh tác hàng năm cho đến nay (trong đó có một phần đất nằm trong khuôn viên hàng rào nhà ông K thì ông K, ông H đã trồng một số cây như Mít, Nhãn, Mận, Mãng cầu và một số loại cây ăn trái khác thì ông L biết cũng không có ý kiến), điều này các bên đương sự đều thừa nhận và phù hợp với lời trình bày của một số người làm chứng có đất sống lân cận như ông Ong T, ông Ong Hoàng M, ông Ong Siêu K và ông Tăng S là Trưởng ban nhân dân ấp A. Riêng đối với ông K và ông H cho rằng: Ông L chỉ canh tác chung với gia đình thời điểm trước đây chứ ông L không có canh tác một mình vào thời điểm năm 1984 đến đầu năm 1994 và cũng không có sự thỏa thuận đổi đất với ông L như ông L trình bày.

Theo lời trình bày của ông K, thì vào năm 2012 – 2013, ông K có cho ông L phần đất nằm ở Hướng Bắc so với đất tranh chấp, diện tích 02 công mẩy, sau đó ông L được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã cho vào năm 2013. Khi ông L về xin chia đất cũng như tại thời điểm kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được cho thì ông L cũng không có đề cập đến phần đất mà ông cho rằng đã được trang trải trước đây vào năm 1978, tại phiên tòa sơ thẩm ông L cũng thừa nhận việc này.

Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới để cho hội đồng xét xử xem xét.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, xét thấy đơn kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Dù L không có cơ sở. Cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ hội đồng xét xử chấp nhận.

Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, vì vậy nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Dù L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn ông Huỳnh Dù L và bị đơn ông Huỳnh Dù H.

Phần tuyên án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Dù L đối với bị đơn ông Huỳnh Dù H về việc yêu cầu Tòa án: Buộc ông Huỳnh Dù H trả lại cho ông diện tích đất 1.542,1m², thuộc thửa 785, tờ bản đồ số 08 tọa lạc ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Thửa đất có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 679, có số đo 27,73m (đo từ mốc giải phóng mặt bằng kéo về Hướng Bắc);

+ Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 785 (ranh giới của nhà ông Huỳnh Dù H), có số đo 33,63m (đo từ mốc giải phóng mặt bằng kéo về Hướng Bắc);

+ Hướng Nam giáp đường Nam Sông Hậu, có số đo 51.53m, đo từ giáp nền nhà ông Ong T (trừ 0,1m) kéo về Hướng Tây;

+ Hướng Bắc giáp thửa 1550, có số đo 49,36m, đo từ nhà ông Ong T (trừ 0.1m) kéo về Hướng Tây.

Diện tích 1.542,1m² (trong đó diện tích trồng màu có diện tích 1.318,3m², diện tích trong khuôn viên hàng rào nhà ông Huỳnh Dù H 223,8m²).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Huỳnh Dù L phải chịu 300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005539 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Ông L đã nộp xong.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã V;
- Chi cục THA.DS thị xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã Ký

Nguyễn Văn Dũ